

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:19/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 03-02-2021  
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1- Bà Nguyễn Thị Kim Thanh;
- 2- Ông Hoàng Văn Khiếu.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hùng, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Diễm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2020/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Trần Văn Ch 28 tuổi

Địa chỉ: Thôn 7 xã Đ- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

**Bị đơn:** Chị Nông Thị L 28 tuổi

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 7 xã Đ- huyện L- tỉnh Y.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Thượng- xã X- huyện B- tỉnh L, đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 09-11-2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Trần Văn Ch trình bày: Anh và chị Nông Thị L kết hôn tháng 8 năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn lại tại UBND xã Đ- huyện L- tỉnh Y. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tình cảm bình thường, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, lối sống không hợp nhau. Chị L nói nhiều, vợ chồng hay xảy ra cãi chửi nhau. UBND xã cũng đã hoà giải nhưng tình trạng hôn nhân giữa hai người vẫn không thay đổi. Khoảng tháng 5 năm 2016 chị L đưa con về bên ngoại sinh sống tại huyện Bảo Yên- tỉnh Lào Cai, thay số điện

thoại nên anh không liên lạc được, từ đó vợ chồng sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị giải quyết cho ly hôn. Về con chung: anh và chị L có một cháu là Trần Thị Thu H sinh ngày 30-9-2013 hiện đang ở với ông bà ngoại, khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con nhưng nếu chị L yêu cầu nuôi con anh cũng đồng ý. Thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và cũng không nợ của ai.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y đã ra văn bản thông báo và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng chị Nông Thị L vẫn không có mặt nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục pháp luật quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử anh Trần Văn Ch được ly hôn với chị Nông Thị L; giao cháu Trần Thị Thu H cho chị Nông Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng...

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa anh Trần Văn Ch và chị Nông Thị L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L. Mặc dù đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng chị L vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tình cảm: Anh Trần Văn Ch và chị Nông Thị L kết hôn năm 2013, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Kết quả xác minh cơ bản phù hợp lời khai của nguyên đơn cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong những năm qua vợ chồng anh Ch- chị L không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau. Quá trình giải quyết anh Ch khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Hai người cũng đã có thời gian dài sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Ch- chị L đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Ch có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Ch và chị L có một cháu tên là Trần Thị Thu H sinh ngày 30-9-2013; quá trình giải quyết vụ án cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Tại phiên tòa anh Ch đồng ý để chị L nuôi con. Xét hoàn cảnh thực tế trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu H thường xuyên ở với ông bà ngoại. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học tập, cần giao cháu cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với hoàn cảnh thực tế. Anh Ch nhận cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng và có quyền thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có.

[5] Về án phí: Anh Ch phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1- Về tình cảm: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Trần Văn Ch được ly hôn với chị Nông Thị L.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điều 357 Bộ luật Dân sự; giao cháu Trần Thị Thu H sinh ngày 30-9-2013 cho chị Nông Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng kể từ tháng 3 năm 2021 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Ch thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3- Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Anh Trần Văn Ch phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng. Xác nhận anh Ch đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2017/0008339 ngày 09-11-2020, số tiền anh Ch còn phải nộp tiếp là 300.000 đồng.

4- Quyền kháng cáo: Anh Trần Văn Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nông Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

5- Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

**Phan Duy Đô**